

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân. Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không những thế anh T còn hay rượu chè rồi về nhà chửi bới đánh đập chị. Tình trạng kéo dài đến tháng 12 năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan T tới nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018. Hiện nay cháu đang ở với anh T.

Nguyên vọng của chị là để con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh T là 2.000.000 đ mỗi tháng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu thành niên (tròn 18 tuổi).

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt, tại bản tự khai ngày 03/02/2023 anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi ngoại tình, không quan T tới chồng con. Vợ chồng đã ly thân khoảng 02 tháng nay. Nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì là người theo đạo nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018. Lâu nay cháu vẫn đang ở với anh.

Nguyên vọng của anh là được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 03/02/2023, đại diện UBND xã T cho biết: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại địa phương vào ngày 26/02/2018, quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018, hiện tại cháu D đang sinh sống cùng anh T. Mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì địa phương không nắm bắt được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 ; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đ/tháng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T cho rằng sau khoảng thời 02 năm chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T cũng hay uống rượu rồi về nhà chửi bới và đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan T tới nhau. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đã ngoại tình và cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì anh là người theo đạo nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của anh T thì thấy rằng: Thời gian vợ chồng ly thân, cháu D vẫn sinh sống ổn định cùng anh T, mặt khác chị T cũng có nguyện vọng để con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho cháu D, nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ của vợ chồng: Chị T và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo D, sinh ngày 06/3/2018.

Giao cháu Nguyễn Bảo D cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đ (*hai triệu đồng*) kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được

cản trở.

Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014552 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Công